

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-01-2021

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Huy Xuân.
2. Bà Võ Lệ Huyền.

-Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 293/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ng, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Tổ A, thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Sỳ Vòng S, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Tổ A, thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

(Bà Ng, ông S vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn, bà Lê Thị Ng trình bày: Sau khi tìm hiểu nhau được khoảng 02 năm thì bà Ng và ông Sỳ Vòng S mới đi đến hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới vào năm 1992 và đăng ký kết hôn ngày 31-10-2003 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi tổ chức lễ cưới, vợ chồng sống chung với

gia đình chồng được một thời gian ngắn thì ra sống riêng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân ông S không lo làm ăn, ham mê cờ bạc, không quan tâm tới cuộc sống gia đình. Nay, bà Ng yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Bà Ng xin được ly hôn với ông S.

Về nuôi con chung: Bà Ng và ông S có 02 người con chung là Sỳ Thanh H, sinh ngày 04-7-1993 và Sỳ Bảo Ng, sinh ngày 22-9-1997, hiện 02 người con chung đã trưởng thành, không bị mất năng lực hành vi dân sự nên bà Ng không có ý kiến.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đối với ông Sỳ Vòng S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do vì vậy không lấy lời khai và tiến hành hòa giải được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng phần quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về nuôi con chung: Hiện 02 người con chung của bà Ng và ông S đã đủ thành niên nên ở với ai là quyền của hai người con này.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà Ng không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Ng và ông S sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nay bà Ng yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của ông S là xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Ng vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai (không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan) nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Ng và ông S trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 31 tháng 10 năm 2003 tại UBND xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà Ng nguyên nhân mâu thuẫn do ông S không lo làm ăn, ham mê cờ bạc, giữa vợ chồng không có sự chia sẻ trong cuộc sống. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà Ng, Tòa án đã triệu tập ông S để làm việc và hoà giải về quan hệ hôn nhân nhưng ông S vẫn không đến. Ngoài ra, theo kết quả xác minh tại địa phương thì mâu thuẫn giữa bà Ng và ông S là có thật. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà Ng và ông S ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Ng được ly hôn với ông S.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà Ng và ông S có 02 người con chung là Sỳ Thanh H, sinh ngày 04-7-1993 và Sỳ Bảo Ng, sinh ngày 22-9-1997, hiện 02 người con chung đã thành niên, không bị mất năng lực hành vi dân sự nên ở với ai là quyền của những người con này.

[2.3] Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà Ng không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Ng phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị Ng và ông Sỳ Vòng S.

2.Về nuôi con chung: Bà Lê Thị Ng và ông Sỳ Vòng S có 02 người con chung là Sỳ Thanh H, sinh ngày 04-7-1993 và Sỳ Bảo Ng, sinh ngày 22-9-1997;

Hiện 02 người con chung đã thành niên, không bị mất năng lực hành vi dân sự nên ở với ai là quyền của những người con này.

3.Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4.Về án phí: Bà Lê Thị Ng phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà bà Ng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

TU/2020/0004763 ngày 13 tháng 7 năm 2020; Bà Lê Thị Ng đã nộp xong án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H.Châu Đức;
- Chi cục THADS H.Châu Đức;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Thị Thanh Nga